HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU DO CÓ ĐỐI TƯỢNG KHÔNG THỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

NGUYỄN HOÀNG CHƯƠNG
TRƯƠNG KIM PHỤNG
Trường Đại học Tây Đô

Nhận bài ngày 18/02/2025. Sửa chữa xong 22/02/2025. Duyệt đăng 28/02/2025.

Abstract

Currently, it is very common for subjects to enter into contracts to establish civil relations in various fields. Through contracts, the parties can achieve the benefits they desire. In order to ensure the rights of the parties in the contract when a dispute arises, the law on contracts has specific provisions, in which contract invalidity due to unenforceable objects is one of the very important provisions in the 2015 Civil Code. However, in the process of practical application, this regulation has shown certain limitations, so appropriate solutions are needed to perfect the provisions of the law.

Keywords: *Contract, void contract, contract object, contract performance.*

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn đất nước ngày càng phát triển, các quan hệ dân sự được các bên xác lập thông qua hợp đồng (HĐ) ngày càng phổ biến và đa dạng các hình thức, mục đích là nhằm hướng đến những lợi ích mà các bên mong muốn đạt được khi xác lập hợp đồng. Với tính chất quan trọng của HĐ, trong những năm qua pháp luật về dân sự đã có nhiều sự thay đổi để đáp ứng, phù hợp yêu cầu của xã hội. Bộ luật Dân sự 2015 cũng đã điều chỉnh rất nhiều nội dung liên quan đến HĐ, trong đó đáng chú ý là quy định về HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được, việc quy định HĐ vô hiệu trong trường hợp này là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong HĐ. Thực tế, quy định trên không chỉ được áp dụng cho các HĐ dân sự thuần túy, mà còn có thể được áp dụng cho cả các HĐ ở các lĩnh vực khác nếu luật chuyên ngành không quy định hoặc có quy định nhưng trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự 2015. Thế nhưng, cho đến nay quy định về HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được đã bộc lộ một số hạn chế nhất định, do đó cần có những giải pháp phù hợp để khắc phục những tồn tại này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hợp đồng vô hiệu

HĐ là một trong các phương tiện được nhiều cá nhân và pháp nhân sử dụng để đạt được mục đích của mình, đó có thể là lợi ích về vật chất hoặc lợi ích về tinh thần, đồng thời cũng là cơ sở để bảo vệ các quyền dân sự của các chủ thể này khi bị xâm phạm. Khi HĐ đã được giao kết và có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết, nhưng không phải lúc nào HĐ được các bên giao kết cũng đều có hiệu lực, làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên, điều này đồng nghĩa với việc HĐ được các bên giao kết sẽ có thể bị vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, vẫn chưa có quy định nào của pháp luật đưa ra khái niệm về HĐ vô hiệu, mà chỉ đưa ra những trường hợp dẫn đến HĐ vô hiệu. Tại Bộ luật Dân sự 2015, các trường hợp *"Quy định về giao dịch*

Email: tkphung@tdu.edu.vn

dân sự vô hiệu từ Điều 123 đến Điều 133 của Bộ luật này cũng được áp dụng đối với HĐ vô hiệu". Như vậy khi hợp đồng không đáp ứng các điều kiện có hiệu lực thì HĐ vô hiệu, đồng thời những trường hợp dẫn đến HĐ vô hiệu bao gồm: 1) HĐ vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội; 2) HĐ vô hiệu do giả tạo; 3) HĐ vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện; 4) HĐ vô hiệu do bị nhầm lẫn; 5) HĐ vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép; 6) HĐ vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; 7) HĐ vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức. Ngoài ra, còn một trường hợp khác dẫn đến HĐ vô hiệu là do có đối tượng không thể thực hiện được, trường hợp này được quy định tại Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015, đây là một quy định riêng được áp dụng cho HĐ vô hiệu và không được quy định chung với các trường hợp giao dịch dân sự (GDDS) vô hiệu.

Việc cho phép các quy định về GDDS vô hiệu được áp dụng đối với HĐ vô hiệu là phù hợp, vì về bản chất GDDS là HĐ hoặc hành vi pháp lý đơn phương. Nói cách khác, do hợp đồng là một phần của GDDS nên chế định HĐ không cần thiết phải đề cập lại những trường hợp tương tự như GDDS vô hiệu, mà chỉ cần dẫn chiếu đến những quy định này, với những trường hợp dẫn đến HĐ vô hiệu không được đề cập tại các quy định về GDDS vô hiệu như do có đối tượng không thể thực hiện được sẽ được quy định cụ thể trong chế định HĐ. Qua đó đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy định. Từ đây, nếu dựa vào các trường hợp HĐ vô hiệu có thể hiểu *"hợp đồng vô hiệu là hợp đồng không có đủ các điều kiện có hiệu lực và có đối tượng không thể thực hiện được theo quy định của pháp luật"*.

Có thể thấy, các quy định về HĐ vô hiệu đều là những trường hợp gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên trong HĐ hoặc xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, hệ quả của HĐ vô hiệu sẽ không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm hợp đồng được xác lập, đồng thời các bên phải tiến hành giải quyết các hậu quả pháp lý của HĐ vô hiệu được quy định tại Bộ luật Dân sự 2015. Mặt khác, từ khi Bộ luật Dân sự 2015 được thông qua và có hiệu lực thi hành, đã có những điều khoản hướng đến việc giảm đi các trường hợp HĐ vô hiệu, chẳng hạn như: *"GDDS được xác lập có sự nhầm lẫn không vô hiệu trong trường hợp mục đích xác lập GDDS của các bên đã đạt được hoặc các bên có thể khắc phục ngay được sự nhầm lẫn làm cho mục đích của việc xác lập GDDS vẫn đạt được"*; *"GDDS đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó"*. Trong khi tại Bộ luật Dân sự 2005, các trường hợp dẫn đến HĐ vô hiệu là rộng hơn, dẫn đến việc có nhiều HĐ bị vô hiệu trên thực tế. Từ việc hạn chế trường hợp dẫn đến HĐ vô hiệu sẽ giúp các chủ thể có điều kiện khắc phục những khiếm khuyết của HĐ và đạt được mục đích mong muốn từ HĐ.

2.2. Hợp đồng vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được

Trên thực tế, việc HĐ có đối tượng không thể thực hiện được ngay từ giai đoạn giao kết HĐ là hoàn toàn có thể xảy ra, chính vì thế pháp luật cần phải có những quy định để điều chỉnh cho khiếm khuyết này. Pháp luật ở một số quốc gia trên thế giới như: Pháp, Áo, Italia, Đức,... đã có những quy định cụ thể liên quan đến trường hợp nêu trên và đều xử lý theo hướng HĐ vô hiệu. Tùy vào đặc thù của mỗi quốc gia, biện pháp xử lý sẽ có những điểm khác nhau để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các chủ thể trong HĐ. Ở nước ta, quy định về HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được bắt đầu được ghi nhận từ Bộ luật Dân sự 2005, cho đến Bộ luật Dân sự 2015 tinh thần quy định về trường hợp này vẫn được tiếp tục duy trì, đồng thời có một số thay đổi nhất định để phù hợp với yêu cầu của thực tế.

2.2.1. Điều kiện để HĐ có đối tượng không thể thực hiện được vô hiệu. Theo quy định "*Trường hợp ngay từ khi giao kết, hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được thì hợp đồng này bị vô hiệu*", như vậy quy định này đã cho thấy rõ 02 điều kiện để HĐ vô hiệu là: 1) Thời điểm phải ngay từ khi giao kết HĐ và 2) HĐ phải có đối tượng không thể thực hiện được. Chế định pháp luật về HĐ tại Bộ luật Dân sự

2015 cho thấy HĐ được chia làm hai giai đoạn, bao gồm: giai đoạn giao kết HĐ và giai đoạn thực hiện HĐ. Ở điều kiện thứ nhất, quy định ràng buộc thời điểm phải ngay từ khi giao kết HĐ, tức là HĐ có đối tượng không thể thực hiện được phải tồn tại ngay từ đầu ở giai đoạn giao kết HĐ. Do đó, nếu HĐ có đối tượng không thể thực hiện được ở giai đoạn thực hiện HĐ thì sẽ áp dụng các quy định liên quan đến giai đoạn này để giải quyết. So với Bộ luật Dân sự 2005 quy định trên đã có những điểm mới để phù hợp với các quy định khác và thực tiễn, cụ thể đã thay từ *"ký kết"* thành *"giao kết"*, thực tế ký kết chỉ là một hành vi thể hiện việc giao kết HĐ bằng văn bản, trong khi hình thức của HĐ còn được thể hiện bằng lời nói và hành vi cụ thể, hai hình thức này được xác lập không thông qua việc ký kết, do đó việc sử dụng từ *"giao kết"* như quy định trên trong Bộ luật Dân sự 2015 sẽ đảm bảo bao quát được các hình thức của HĐ.

Ở điều kiện thứ hai, HĐ có đối tượng không thể thực hiện được có thể hình dung là việc một bên không thể chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền, thực hiện công việc nhất định... vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác. Trước đây tại Bộ luật Dân sự 2005 đã quy định theo hướng ràng buộc thêm điều kiện là HĐ có đối tượng không thể thực hiện được *"vì lý do khách quan"* thì HĐ mới bị vô hiệu, tức là phải bị tác động từ yếu tố bên ngoài như thiên tay, dịch bệnh, chính sách của Nhà nước,... Ngược lại nếu đối tượng không thể thực hiện được do nguyên nhân chủ quan của các bên thì HĐ vẫn sẽ có hiệu lực, buộc các bên phải tôn trọng và thực hiện. Với điểm mới là bỏ đi cụm từ *"vì lý do khách quan"*, đồng nghĩa với việc Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, điều này là hoàn toàn thuyết phục, vì khi đối tượng của HĐ không thể thực hiện được do bất kể nguyên nhân nào, các bên cũng không thể đạt được mục đích của việc xác lập HĐ.

2.2.2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Thực tế không hiếm trường hợp khi giao kết HĐ, một bên vì lợi ích riêng của mình hoặc một lý do khác mà không thông báo cho bên còn lại biết về việc đối tượng của HĐ không thể thực hiện được, dẫn đến chủ thể này phải chịu những tổn thất nghiêm trọng sau khi giao kết HĐ. Vì thế, pháp luật đã quy định *"Trường hợp khi giao kết HĐ mà một bên biết hoặc phải biết về việc HĐ có đối tượng không thể thực hiện được nhưng không thông báo cho bên kia biết nên bên kia đã giao kết HĐ thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia, trừ trường hợp bên kia biết hoặc phải biết về việc HĐ có đối tượng không thể thực hiện được"*, việc ràng buộc trách nhiệm thông báo và phải bồi thường thiệt hại như trên là phù hợp, nhằm bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho bên không được thông báo, hạn chế việc một bên khi biết hoặc phải biết đối tượng của HĐ không thể thực hiện được nhưng vẫn cố tình giao kết hợp đồng, gây tổn thất cho bên kia. Đồng thời, quy định như trên sẽ giúp các bên thể hiện sự thiện chí, trung thực trong mối quan hệ HĐ.

Theo tinh thần của quy định trên, bên không thông báo sẽ không phải bồi thường thiệt hại cho bên kia trong trường hợp tại thời điểm khi giao kết bên kia cũng đã biết hoặc phải biết về việc HĐ có đối tượng không thể thực hiện được. Quy định loại trừ trách nhiệm trong trường hợp này là phù hợp, vì tại thời điểm này bên không được thông báo đã có những thông tin về đối tượng của HĐ là không thể thực hiện được, việc đồng ý giao kết HĐ cho thấy chủ thể này đã chấp nhận những rủi ro đối với mình, trong khi hoàn toàn có quyền không giao kết HĐ.

2.2.3. Trường hợp một hoặc nhiều phần đối tượng không thể thực hiện được nhưng phần còn lại của HĐ vẫn có thể thực hiện. Theo quy định của pháp luật hiện nay, hoàn toàn cho phép các bên được quyền tự do thỏa thuận nhiều đối tượng trong một HĐ, khi không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nội dung thỏa thuận này có hiệu lực thực hiện đối với các bên. Thực tế, vì HĐ có nhiều đối tượng, sẽ có trường hợp một hoặc nhiều phần đối tượng không thể thực hiện được ngay từ khi giao kết HĐ, lúc này "*quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cũng được áp dụng đối với trường hợp HĐ có một hoặc nhiều phần đối tượng không thể thực hiện được nhưng phần còn lại của HĐ vẫn có hiệu lực".* Nhìn chung, quy định này hoàn toàn thống nhất với quy định GDDS vô hiệu từng phần *"GDDS vô hiệu từng phần khi một phần nội dung của GDDS vô hiệu nhưng không ảnh hưởng đến hiệu lực của phần còn lại của giao dịch"* [5, tr.130].

2.3. Thực trạng quy định về hợp đồng vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được

2.3.1. Quy định chưa đề cập đến chủ thể nào có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu. Việc pháp luật quy định cho phép HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được là phù hợp với thực tiễn, bảo vệ quyền lợi cho các bên trong HĐ. Thế nhưng, quy định tại Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015 lại chưa cho biết chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu là một bên, các bên trong hợp đồng hay bất kỳ chủ thể nào, trong khi một số quy định khác đã thể hiện rõ chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu, chẳng hạn GDDS vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện sẽ do người đại diện của những người này yêu cầu; GDDS vô hiệu do bị nhầm lẫn sẽ do bên bị nhầm lẫn yêu cầu… Riêng trường hợp HĐ vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội và do giả tạo, vì đây là hai trường hợp không chỉ gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên trong HĐ mà còn có thể xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, mặc dù không quy định rõ thì vẫn có thể hiểu bất kỳ chủ thể nào cũng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tuyên bố HĐ vô hiệu.

Như vậy, việc quy định rõ ai có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu là điều cần thiết, để các chủ thể biết và thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước đúng quy định. Ngược lại, khi không thể hiện rõ ai có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu như trong trường hợp do có đối tượng không thể thực hiện được sẽ là thiếu rõ ràng, gây khó khăn cho việc xác định chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu.

2.3.2. Quy định chưa thể hiện rõ thẩm quyền tuyên bố HĐ vô hiệu của tòa án và trọng tài. Khi HĐ rơi vào các trường hợp vô hiệu, không phải bất kỳ chủ thể nào cũng có quyền tuyên bố HĐ vô hiệu, mà phải do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thực hiện. Theo quy định *"Thời hiệu yêu cầu tòa án tuyên bố GDDS vô hiệu quy định tại các Điều 125, 126, 127, 128 và 129 của Bộ luật này là 02 năm, kể từ ngày:..."* và *"Đối với GDDS quy định tại Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật này thì thời hiệu yêu cầu tòa án tuyên bố GDDS vô hiệu không bị hạn chế"*, điều này cho thấy tòa án sẽ là cơ quan có thẩm quyền tuyên bố HĐ vô hiệu trong các trường hợp này. Bên cạnh đó, quy định về bảo vệ quyền dân sự thông qua cơ quan có thẩm quyền tại Điều 14 Bộ luật Dân sự 2015 đã ghi nhận bên cạnh tòa án, trọng tài cũng có thẩm quyền giải quyết trong trường hợp quyền dân sự bị xâm phạm hoặc có tranh chấp, mặc dù các quy định về tuyên bố vô hiệu trên không đề cập đến thẩm quyền của trọng tài, nhưng lại được thừa nhận một cách ngầm định và trên thực tế khi được yêu cầu, trọng tài vẫn có thể tuyên bố HĐ vô hiệu trong phạm vi thuộc thẩm quyền theo luật định.

Hiện nay *"các tranh chấp nảy sinh trong đời sống kinh tế - xã hội hết sức đa dạng và có thể thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan khác nhau như tòa án, trọng tài hay các cơ quan nhà nước khác"* [7], trong khi các quy định trên đều cho biết cơ quan có thẩm quyền tuyên bố HĐ vô hiệu, thể hiện vai trò của cơ quan tài phán, thì quy định về HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được lại không thể hiện rõ vấn đề này, trong khi về hệ quả giữa các quy định là giống nhau. Việc không quy định cụ thể chủ thể có thẩm quyền tuyên bố HĐ vô hiệu phần nào sẽ gây khó khăn trong việc áp dụng quy định, dẫn đến việc hiểu không thống nhất, thậm chí gây lúng túng cho các bên trong HĐ khi phát sinh tranh chấp.

2.3.3. Quy định chưa cho biết thời hiệu yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu. Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015, hiện có hai nhóm thời hiệu yêu cầu tuyên bố GDDS vô hiệu, cụ thể *"Thời hiệu yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu quy định tại các Điều 125, 126, 127, 128 và 129 của Bộ luật này là 02 năm…"* và *"Đối với giao dịch dân sự quy định tại Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật này thì thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu không bị hạn chế"*, đồng thời hai nhóm thời hiệu này cũng được áp dụng cho yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu trong trường hợp trên.

Đối với các trường hợp thời hiệu yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu là 02 năm, cho thấy pháp luật dân sự đang hướng đến tính ổn định trong mối quan hệ HĐ, tránh làm biến đổi trật tự của xã hội hoặc ảnh

hưởng đến các vấn đề liên quan đến chứng cứ, sự thật khách quan khi các bên khởi kiện sau một thời hạn nhất định,… điều này được thể hiện ở chỗ khi kết thúc thời hiệu 02 năm mà chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu không thực hiện quyền này thì HĐ có hiệu lực và mất quyền khởi kiện. Trong khi đó, các trường hợp thời hiệu yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu không bị hạn chế, bất kể thời điểm nào chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu cũng có thể khởi kiện mà không bị giới hạn về mặt thời gian. Qua đó giúp bảo vệ quyền lợi của các bên trong HĐ, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước.

Tuy nhiên, trường hợp HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được, tại Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015 vẫn chưa quy định về thời hiệu yêu cầu tuyên bố vô hiệu HĐ hay dẫn chiếu đến quy định khác để xác định thời hiệu, điều này đã đặt ra câu hỏi, thời hiệu để yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được là bao lâu? Rõ ràng rất khó để có câu trả lời cụ thể là 02 năm hay không bị hạn chế. Có trường hợp do quy định trên không quy định rõ ràng về thời hiệu, các bên còn áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện về HĐ để xác định thời hiệu là 03 năm. Như vậy, việc quy định không thể hiện rõ thời hiệu để yêu cầu HĐ vô hiệu sẽ gây khó khăn trong việc xác định chính xác thời hiệu khởi kiện hoặc các chủ thể còn quyền hay mất quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2.4. Giải pháp hoàn thiện quy định về hợp đồng vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được

2.4.1. Liên quan đến người có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu và thẩm quyền tuyên bố HĐ vô hiệu của tòa án và trọng tài, quy định tại khoản 1 Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015 cần sửa đổi theo hướng *"Trường hợp ngay từ khi giao kết, HĐ có đối tượng không thể thực hiện được thì một trong các bên có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài tuyên bố HĐ là vô hiệu".* Có thể thấy, khi HĐ có đối tượng không thể thực hiện được, cả bên có nghĩa vụ và bên có quyền đều không thể đạt được mục đích mong muốn, việc duy trì hiệu lực HĐ về cơ bản không có lợi cho các bên trong HĐ, thậm chí còn dẫn đến nhiều rủi ro trong tương lai, vì thế quy định chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu là một trong các bên của HĐ là phù hợp, để bảo vệ tốt nhất quyền lợi của các bên. Nhìn chung, chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu như trên là tương đồng với những trường hợp HĐ vô hiệu khác, quy định chỉ đề cập đến bên bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu, mà không đề cập đến bên không bị ảnh hưởng.

Bên cạnh đó, thẩm quyền giải quyết tranh chấp của tòa án và trọng tài đã được ghi nhận tại Điều 14 Bộ luật Dân sự 2015, cũng như tại các luật chuyên ngành khác như: Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân 2014, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đối với thẩm quyền của tòa án; Luật Trọng tài thương mại 2010 đối với thẩm quyền của trọng tài. Trên thực tế, tòa án đã giải quyết các tranh chấp và áp dụng Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015 để tuyên bố HĐ vô hiệu, chẳng hạn tại một bản án tòa án đã khẳng định *"Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định HĐ chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa chị T và vợ chồng ông H, bà B vào ngày 25/7/2020 bị vô hiệu ngay từ khi giao kết do HĐ có đối tượng không thể thực hiện được (theo Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015)"* [4]. Đồng thời, việc giải quyết tranh chấp yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được thông qua trọng tài đang ngày càng được quan tâm và lựa chọn, ưu điểm của trọng tài cho thấy thủ tục trọng tài đơn giản hơn, các bên tranh chấp có thể chủ động về thời gian, địa điểm giải quyết tranh chấp, được lựa chọn trọng tài viên giải quyết tranh chấp, việc giải quyết tranh chấp được bảo mật... Thế nên việc ghi nhận thẩm quyền của tòa án và trọng tài như đề xuất là phù hợp với thực tiễn, thống nhất với quy định khác của pháp luật và đảm bảo sự rõ ràng trong quy định.

2.4.2. Bổ sung khoản 4 Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015 theo hướng *"Thời hiệu yêu cầu tòa án hoặc trọng tài tuyên bố HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được không bị hạn chế".* Như đã phân tích, hiện nay pháp luật dân sự đã chia thời hiệu yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu thành hai nhóm, nhóm thứ nhất thời hiệu là 02 năm và nhóm thứ hai thời hiệu là không bị hạn chế, mỗi nhóm thời hiệu đều có vai trò nhất định trên thực tế khi các bên xảy ra tranh chấp. Do đó, việc quy định bổ sung thời hiệu yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được thuộc nhóm nào là rất cần

thiết, để các bên trong HĐ không bị lúng túng khi xác định còn quyền hay mất quyền khởi kiện, bảo vệ tốt nhất quyền lợi cho các chủ thể trong quan hệ HĐ khi phát sinh mâu thuẫn.

Nếu áp dụng thời hiệu yêu cầu tuyên bố vô hiệu là 02 năm kể từ ngày giao dịch được xác lập, khi hết thời hiệu 02 năm không bên nào yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu thì HĐ có hiệu lực, các bên sẽ mất quyền khởi kiện. Thế nhưng vấn đề là ở chỗ, trường hợp sau 02 năm đối tượng của HĐ vẫn không thể thực hiện được, dù HĐ có hiệu lực thì các bên vẫn không thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ như đã cam kết, rõ ràng HĐ đã không giúp các bên đạt được lợi ích mà các bên mong muốn, thậm chí tìm ẩn nhiều rủi ro pháp lý khác cho các bên. Ở chiều ngược lại, khi áp dụng thời hiệu yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu là không bị hạn chế như đề xuất ở trên, dù hợp đồng đã quá 02 năm kể từ thời điểm các bên xác lập HĐ, một trong các bên vẫn có thể yêu cầu tuyên bố HĐ vô hiệu và giải quyết hậu quả của HĐ vô hiệu, mà không phải là áp dụng các quy định liên quan đến thực hiện HĐ. Thực chất, vì đối tượng của HĐ không thể thực hiện được đã tồn tại từ thời điểm giao kết HĐ và *"Do lý do làm cho HĐ vô hiệu trong trường hợp này rất đặc biệt là "đối tượng không thể thực hiện" nên sẽ là thuyết phục khi chúng ta theo hướng thời hiệu yêu cầu tòa án tuyên bố HĐ vô hiệu là không bị giới hạn"* [6, tr. 841].

3. Kết luận

HĐ là một công cụ pháp lý để các bên đạt được mục đích của mình, với tính chất quan trọng của HĐ, pháp luật dân sự đã có nhiều quy định liên quan đến HĐ, trong đó đáng chú ý là quy định về HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được. Cho đến nay quy định đã được các bên trong HĐ, tòa án, trọng tài áp dụng để giải quyết tranh chấp trên thực tế, bảo vệ quyền lợi cho các bên trong HĐ. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, quy định cũng đã bộc lộ những hạn chế nhất định, vì thế nhằm góp phần hoàn thiện quy định tác giả đã đề xuất tại khoản 1 Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015 cần sửa đổi theo hướng *"Trường hợp ngay từ khi giao kết, HĐ có đối tượng không thể thực hiện được thì một trong các bên có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài tuyên bố HĐ là vô hiệu"* và bổ sung khoản 4 Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015 theo hướng *"thời hiệu yêu cầu tòa án hoặc trọng tài tuyên bố HĐ vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được không bị hạn chế".*

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (2005) *Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11*.

[2] Quốc hội (2010), *Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12*.

[3] Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*.

[4] Tòa án Nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (2021), *Bản án số 251/2021/DS-ST ngày 08/9/2021 về việc tranh chấp về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*.

[5] Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (2016), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội.

[6] Đỗ Văn Đại (2020), *Luật hợp đồng Việt Nam bản án và bình luận bản án (sách chuyên khảo, xuất bản lần thứ tám)*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 841.

[7] Hoàng Thanh Giang (2023), *Hoàn thiện quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại của tòa án đáp ứng yêu cầu hiện nay*, nguồn: https://tapchicongthuong.vn/hoan-thien-quy-dinh-phap-luat-ve-tham-quyen-giai-quyet-tranh-chap-kinh-doanh-thuong-mai-cua-toa-an-dap-ung-yeu-cau-hien-nay-105032.htm, truy cập ngày 11/11/2024.